

Mẫu số: D23-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP
ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC THADS TỈNH TRÀ VINH
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN TIỂU CẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 105/TB-CCTHADS

Tiểu cần, ngày 18 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điều 56 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Bản án, Quyết định số: 61; 62/2020/QĐST-DS cùng ngày 17/9/2020; số: 06; 07; 08; 09/2020/QĐST-DS cùng ngày 27/11/2020; số: 447; 448; 449; 450; 451; 452; 453; 454; 455; 456; 457; 458; 459; 460; 461; 462; 463; 464/2020/QĐST-DS cùng ngày 27/12/2020; 588; 589; 590; 491; 592; 593; 594; 595; 596; 597; 598; 599; 600; 601; 602/2020/QĐST-DS cùng ngày 28/12/2020; số: 404; 405; 406/2020/QĐST-DS cùng ngày 22/12/2020; số: 465; 466; 467; 468; 469; 470; 471; 472; 473; 474; 475; 476; 477; 478; 481; 482; 483; 484; 485; 486; 487; 488; 492; 493; 494; 479; 489; 490; 491/2020/QĐST-DS cùng ngày 28/12/2020; số: 561; 562; 563; 564; 565; 566; 567; 568; 569; 570/2020/QĐST-DS cùng ngày 30/12/2020; số: 934/2021/QĐST-DS ngày 18/02/2021; số: 1001; 1002; 1003; 1004; 1005; 1006; 1007; 1008/2021/QĐST-DS cùng ngày 18/3/2021; số: 1070; 1071/2021/QĐST-DS cùng ngày 01/4/2021; số: 1255; 1256; 1257; 1258; 1259; 1260; 1261; 1262; 1263; 1264; 1265; 1266; 1267; 1267/2021/QĐST-DS cùng ngày 16/6/2021; số: 01; 02; 03; 04; 05; 06; 07/2021/QĐST-DS cùng ngày 08/10/2021 và Bản án, Quyết định số: 48/2022/DSST ngày 20/4/2022; số: 59/2022/DSST ngày 20 tháng 5 năm 2022; số: 72; 73/2022/DSST cùng ngày 07 tháng 7 năm 2022; số: 87; 89/2022/DSST cùng ngày 21 tháng 7 năm 2022; số: 109; 110/2022/DSST cùng ngày 05 tháng 8 năm 2022; số: 115; 116; 118; 119/2022/DSST cùng ngày 10 tháng 8 năm 2022; số: 127/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022; số: 121; 124; 133; 134; 136/2022/DSST cùng ngày 18 tháng 8 năm 2022; số: 137/2022/DSST ngày 19 tháng 8 năm 2022; số: 167; 168/2022/DS-ST cùng ngày 13 tháng 9 năm 2022; số: 175/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022; số: 181/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 và số: 190/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 10; 13/QĐ-CCTHADS cùng ngày 06/10/2020; số: 596; 597; 598; 599/QĐ-CCTHADS cùng ngày 10/12/2020; số: 1325; 1326; 1327; 1328; 1329; 1330; 1331; 1332; 1333; 1334; 1335; 1336; 1337; 1338; 1339; 1340; 1341; 1342/QĐ-CCTHADS cùng ngày 18/01/2021; số: 2072; 2075; 2078; 2081; 2084; 2087; 2090; 2093; 2022; 2025; 2028; 2031; 2034; 2037; 2040; 2157; 2158; 2159; 2166; 2167; 2168/QĐ-CCTHADS cùng

ngày 09/02/2021; số: 2544; 2545; 2546; 2547; 2548; 2549; 2550; 2551; 2552; 2553; 2554; 2567; 2568; 2569; 2570; 2571; 2572; 2573; 2574; 2575/QĐ-CCTHADS cùng ngày 02/3/2021; số: 3004; 3005; 3006; 3007; 3008; 3009; 3010; 3011; 3012; 3013/QĐ-CCTHADS cùng ngày 25/3/2021; số: 3126; 3127; 3128; 3138; 3139; 3140; 3141; 3148; 3149/QĐ-CCTHADS cùng ngày 14/4/2021; số: 119; 120; 121; 122; 123; 434; 435; 436; 347; 438; 439; 440; 441; 442; 443; 444; 445; 446; 447/QĐ-CCTHADS cùng ngày 03/12/2021; số: 640; 641; 642/QĐ-CCTHADS cùng ngày 17/12/2021; số: 996; 997; 998; 999; 1000; 1001; 1002/QĐ-CCTHADS cùng ngày 08/4/2022 và số: 1257/QĐ-CCTHADS ngày 10/6/2022; 43/QĐ-CCTHADS ngày 12 tháng 10 năm 2022; số: 47; 48; 49; 50; 51; 52; 53; 54; 55; 56; 57; 58; 59; 60; 61; 62; 63; 126; 140/QĐ-CCTHADS cùng ngày 24 tháng 10 năm 2022; số 187; 188; 189/QĐ-CCTHADS cùng ngày 11 tháng 11 năm 2022; số 256; 257/QĐ-CCTHADS cùng ngày 18 tháng 11 năm 2022 và 722/QĐ-CCTHADS ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số: 05/QĐ-CCTHADS ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 215/2025/23 ngày 20/02/2025 của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha;

Căn cứ Thông báo về kết quả thẩm định giá tài sản và thỏa thuận về tổ chức bán đấu giá tài sản số: 72/TB-CCTHADS ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;

Do người được thi hành án, người phải thi hành án không thỏa thuận được về tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nên Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, địa chỉ: ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cần lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản đã kê biên đảm bảo nghĩa vụ thi hành án sau:

Quyền sử dụng đất thửa số 431, diện tích 4.663,8m², tờ bản đồ số 22, loại đất trồng lúa; tọa lạc tại: ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh do ông Thạch Ma Na đứng tên quyền sử dụng đất, có giá **769.527.000 đồng** (Bảy trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Có giá khởi điểm: **769.527.000 đồng** (Bảy trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

01/- Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Có tên trong danh sách các tổ chức chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư Pháp công bố;
- Tổ chức đấu giá có cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo phù hợp cho việc bán đấu giá loại tài sản nêu trên (trụ sở, địa điểm đấu giá tài sản có địa chỉ rõ ràng, có phòng đấu giá tài sản phù hợp...);
- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;
- Có năng lực kinh nghiệm và uy tín của tổ chức chức hành nghề đấu giá tài sản;



- Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản quyết định;

- Các tiêu chí khác theo Thông tư số: 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

2/- Hồ sơ năng lực đăng ký bao gồm:

- Hồ sơ pháp lý Công ty hành nghề đấu giá tài sản;
- Bảng mô tả năng lực Công ty hành nghề đấu giá tài sản;
- Bản phô tô công chứng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hành nghề đấu giá tài sản của Bộ Tư Pháp.

3/- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày **18/3/2025** đến 17 giờ 00 phút ngày **20/3/2025**.

4/- Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (trong giờ hành chính).

5/- Địa điểm nộp hồ sơ: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, SĐT: 02943.822.092.

Vậy, Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh thông báo công khai để các Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được biết và nộp hồ sơ đúng thời hạn quy định./.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Đương sự;
- Viện KSND huyện Tiểu Cần;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Thạch Sa Oanh

PHỤ LỤC I
BẢNG TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0



4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	1,0
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
III	<i>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</i>	16,0
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0
IV	<i>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i>	57,0
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0
2.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	4,0
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0

5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	<i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0
9.	<i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm</i>	5,0

	<i>dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3,0
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4,0
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	3,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0
Tổng số điểm		100